

TRƯỜNG THCS TRUNG LẬP
LỚP 6:
HỌ TÊN HS:

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN TIẾNG ANH 6
TUẦN 9: 01/11/2021 – 06/11/2021

PERIOD 25-page 28

Unit 3: FRIENDS (con't) – New words and Listening

-Học sinh cần nắm được từ vựng thuộc chủ đề tính cách người

Học sinh viết từ mới vào vở sau đó làm bài tập a,b

***New words:**

1. helpful(a): có ích , hay giúp đỡ
2. selfish (a): ích kỷ
3. kind(a): tử tế, tốt bụng
4. funny (a) buồn cười, vui nhộn
5. friendly (a) thân thiện
6. lazy (a) lười biếng
7. character (n) tính cách

a. Học sinh đọc bài viết của Alice về người bạn thân của mình và trả lời câu hỏi:

Does she like everything about Simon?

Gợi ý: No

b. Nối từ gạch dưới ở phần a với định nghĩa:

Answer (đáp án)

1. lazy(B)
2. helpful (G)
3. funny(G)
4. friendly(G)
5. selfish(B)
6. kind(G)

- **Phần Listening trang 28 học sinh tự luyện tập**

Home work:

- Chép mỗi từ mới 10 lần và học thuộc lòng
- Học sinh tự luyện tập phần Listening
- Chuẩn bị từ mới tiết sau của bài 3 phần Reading trang 29
- Làm bài tập trong sách workbook trang 18 phần new words

PERIOD 26-page 29

Unit 3: FRIENDS (con't) – Reading

Học sinh phát triển được kĩ năng đọc

Học sinh viết từ mới vào tập

New words:

1. article (n): bài báo
2. headline (n) tiêu đề
3. king (n) vua
4. mean (a) bần tiện , hèn hạ, bủn xỉn
5. different(a) khác
6. hard(a) vất vả, chăm chỉ
7. to do chore: làm việc nhà
8. life(n) cuộc sống
9. share (v) chia sẻ

học sinh đọc bài sau đó làm bài tập a,b

- a. Đọc bài và khoanh tròn tiêu đề cho bài báo

Answer (đáp án)

1. Good sister, Bad sister

- b. Đọc và tìm ra những việc làm nói lên tính cách của Tấm và Cám

Answer (đáp án)

Tấm

1. helpful – helping to cook and clean the house
2. kind- thinks about other people / tries to help her family

Cám

3. lazy – never does any chores
4. selfish – doesn't share anything

Học sinh tự thực hiện phần speaking và phần writing trang 29

Home work:

- Chép mỗi từ mới 10 lần và học thuộc lòng
- Học sinh tự thực hiện phần speaking và writing
- Chuẩn bị bài Unit 3: Review trang 90,91.
- Làm bài tập trong sách workbook trang 19

PERIOD 27-page 90,91

Unit 3: Review

Học sinh sẽ được phát triển 4 kĩ năng nghe , nói, đọc , viết

Listening: trang 90

Học sinh nghe Jenny và Tom nói chuyện về anh chị em . Mỗi câu hỏi chọn đáp án đúng nhất A, B hoặc C

Answer (đáp án)

0. A
1. B
2. C
3. B

4. C
5. A

Reading trang 90

Học sinh đọc bài đọc . Chọn đáp án đúng nhất A, B hoặc C

Answer (đáp án)

0. C
1. A
2. C
3. A
4. C
5. B

Vocabulary trang 91

Viết từ đúng từ đơn vị bài học trên dòng. Bắt đầu từ chữ cái cho sẵn

Answer (đáp án)

1. kind
2. mall
3. present
4. badminton
5. blond
6. lazy
7. glasses

Grammar trang 91

Học sinh khoanh tròn đáp án đúng

Answer (đáp án)

1. is
2. doing
3. like
4. Is
5. not
6. does
7. having

Pronunciation trang 91

Học sinh khoanh tròn phần gạch dưới được phát âm khác các từ còn lại

1. B
2. C
3. D

Học sinh khoanh tròn phần phát âm có dấu nhấn khác các từ còn lại

4. A
5. B
6. C

Home work:

- Học sinh làm tất cả bài tập vào tập trang 90,91

- Ôn lại từ mới Unit3
- Chuẩn bị làm kiểm tra giữa kì I

PHẦN 2:

- PHẦN GHI CHÉP VỀ NỘI DUNG BÀI HỌC CỦA HỌC SINH

LESSON	NHỮNG NỘI DUNG CÁC EM ĐÃ HIỂU	NHỮNG NỘI DUNG CÁC EM CÒN THẮC MẮC
PERIOD 25-page 28 Unit 3: FRIENDS (con't) – New words and Listening		
PERIOD 26-page 29 Unit 3: FRIENDS (con't) – Reading		
PERIOD 27-page 90,91 Unit 3: Review		